|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH****VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ** | **NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI****HỌC PHẦN: Kỹ năng viết và tư duy phản biện, Mã học phần:** **ELE20003****Dùng cho khối ngành: Kỹ thuật và công nghệ** **hệ đào tạo chính quy, dùng từ khóa đào tạo K59** |

**Hình thức thi: Trắc nghiệm khách quan Thời gian làm bài thi: 30 phút**

1. Tư duy phản biện theo McPeck (1981) là gì?

A. Tư duy phản biện là kỹ năng để tham gia vào một hoạt động có tính chất phản ánh các nghi ngờ

B. Tư duy phản biện là kỹ năng để tham gia vào một hoạt động có tính chất phản đối ý kiến với lập luận của người khác

C. Tư duy phản biện là kỹ năng để tham gia vào một hoạt động có tính chất đồng ý ý kiến với lập luận của người khác

D. Tư duy phản biện là kỹ năng để tham gia vào một hoạt động có tính chất phê phán ý kiến với lập luận của người khác

2. Phát biểu nào sau đây không đúng về tư duy phản biện?

A. Tư duy phản biện chỉ đơn thuần là đưa ra ý kiến phản biện

B. Tư duy phản biện là nêu quan điểm và bảo vệ quan điểm bằng những bằng chứng phù hợp

C. Tư duy phản biện là đưa ra các quan điểm và tạo mối liên hệ, đánh giá, phân tích tổng hợp

D. Tư duy duy phản biện liên quan đến nhiều kỹ năng như lắng nghe, khả năng đọc, khả năng đánh giá các lập luận, khả năng thể hiện quan điểm một cách thuyết phục

3. Điều nào sau đây không phải là tư duy phản biện khi trả lời câu hỏi “Tại sao bạn nghĩ cuốn sách đó dở tệ?

A. Vì tôi rất ghét tác giả

B. Đa số nhà phê bình đều chê nó

C. Nội dung cũ

D. Phong cách viết không có gì mới

4. Tại sao chúng ta cần quan tâm đến tư duy phản biện?

A. Để thể hiện sự phản đối khi không hài lòng với đối phương

B. Để kết luận hợp lý hơn

C. Để có giải pháp tốt hơn

D. Để tranh luận hiệu quả hơn

5. Tính chất nào sau đây không thuộc kiến thức căn bản của tư duy phản biện?

A. Lập luận nhằm hạ uy tín đối phương

B. Những yếu tố tính chất của tư duy

C. Tranh luận và giải quyết vấn đề

D. Khống chế và phòng tránh ngụy biện

6. Điều nào sau đây không giúp rèn luyện tư duy phản biện?

A. Lập luận chỉ dựa trên suy đoán cá nhân

B. Tích cực trau dồi tư duy cho bản thân

C. Hãy có tầm nhìn khách quan

D. Tự đặt câu hỏi

7. Đặc điểm nào sau đây không thuộc các đặc điểm thiết yếu của người có tư duy phản biện?

A. Có thành kiến

B. Không có thành kiến

C. Có khả năng suy luận

D. Xem xét vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau

8. Đặc điểm nào sau đây không thuộc các đặc điểm thiết yếu của người có tư duy phản biện?

A. Không có khả năng suy luận

B. Không có thành kiến

C. Biết vận dụng các tiêu chuẩn

D. Xem xét vấn đề từ nhiều phương diện khác nhau

9. Tư duy phản biện liên quan đến các kỹ năng nào sau đây?

A. Khả năng lắng nghe và đọc một cách cẩn thận; khả năng đánh giá các lập luận, khả năng tìm kiếm và phát hiện, khả năng vạch ra các hệ quả của mọt phát biểu nào đó; khả năng thể hiện quan điểm của mình một cách thuyết phục

B. Chỉ cần kỹ năng lắng nghe

C. Chỉ cần khả năng đánh giá các lập luận

D. Chỉ cần khả năng thể hiện quan điểm của mình một cách thuyết phục

10. Các thao tác đầy đủ để rèn luyện tư duy phản biện bao gồm?

A. Đặt câu hỏi nghi vấn; Quan sát; Tìm kiếm lý lẽ và lập luận; Nhận thức và lý giải vấn đề; Khẳng định giá trị cá nhân; Khẳng định lại.

B. Đặt câu hỏi nghi vấn; Quan sát

C. Quan sát; Tìm kiếm lý lẽ và lập luận

D. Đặt câu hỏi nghi vấn; Khẳng định giá trị cá nhân; Khẳng định lại.

11. Tính sáng tạo trong mỗi cá nhân bao gồm các thành phần nào sau đây?

A. Sự tư duy sáng tạo của não bộ; Sự thông thạo kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn; Động lực thúc đẩy bên trong cá nhân.

B. Sự tư duy sáng tạo của não bộ; Sự thông thạo kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn;

C. Thông thạo kiến thức trong lĩnh vực chuyên môn; Động lực thúc đẩy bên trong cá nhân.

D. Sự tư duy sáng tạo của não bộ; Động lực thúc đẩy bên trong cá nhân.

12. Có bao nhiêu hạn chế cơ bản trong giáo dục kỹ thuật theo Goldbergs?

A. 7

B. 5

C. 3

D. 2

13. Các hạn chế cơ bản trong giáo dục kỹ thuật theo Goldbergs bao gồm?

A. Kỹ năng đặt câu hỏi; Cách đặt tên; Mô hình hóa; Đơn giản hóa vấn đế thiết kế phức tạp; Thu thập dữ liệu; Mô hình hóa giải pháp và đề xuất ý tưởng; Kỹ năng giao tiếp: viết và nói

B. Kỹ năng đặt câu hỏi; Cách đặt tên; Thu thập dữ liệu; Mô hình hóa giải pháp và đề xuất ý tưởng; Kỹ năng giao tiếp: viết và nói

C. Kỹ năng đặt câu hỏi; Cách đặt tên; Mô hình hóa; Thu thập dữ liệu; Mô hình hóa giải pháp và đề xuất ý tưởng;

D. Mô hình hóa; Đơn giản hóa vấn đế thiết kế phức tạp; Thu thập dữ liệu; Mô hình hóa giải pháp và đề xuất ý tưởng; Kỹ năng giao tiếp: viết và nói.

14. Tại sao giao tiếp hiệu quả lại rất cần thiết trong công việc của kỹ sư?

A. Là yếu tố quyết định đến sự thành công với yêu cầu kỹ năng làm việc nhóm và trong môi trường đa văn hóa và đa quốc gia

B. Là yếu tố quyết định đến sự thành công khi giải quyết các bài toán kỹ thuật phức tạp

C. Là yếu tố quyết định đến sự thành công khi hình thành các ý tưởng sáng tạo

D. Là yếu tố quyết định đến năng lực chuyên môn của người kỹ sư

15. Sự thành công của kỹ sư quyết định bởi các yếu tố nào sau đây?

A. Năng lực chuyên môn tốt và kỹ năng giao tiếp hiệu quả

B. Năng lực chuyên môn tốt

C. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả

D. Năng lực chuyên môn tốt và không cần bất cứ kỹ năng nào khác

16. Sự thành công của kỹ sư quyết định bởi các yếu tố nào sau đây?

A. Năng lực chuyên môn tốt và kỹ năng giao tiếp hiệu quả

B. Sự may mắn

C. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả

D. Anh ấy/cô ấy tốt nghiệp trường đại học danh tiếng

17. Những vấn đề thách thức mà kỹ sư trong thế kỷ 21 cần giải quyết là gì?

A. Vấn đề nóng lên toàn cầu, tài nguyên ngày càng cạn kiệt và chi phí cho vấn đề sức khỏe ngày càng tăng.

B. Vấn đề nóng lên toàn cầu

C. Tài nguyên ngày càng cạn kiệt và chi phí cho vấn đề sức khỏe ngày càng tăng.

D. Vấn đề nóng lên toàn cầu, chi phí cho vấn đề sức khỏe ngày càng tăng.

18. Phát biểu nào sau đây là đúng đối với kỹ sư trong thế kỷ 21?

A. Giải quyết bài toán kỹ thuật nhưng cần quan tâm tới các vấn đề khác như môi trường, sức khỏe cộng đồng.

B. Chỉ cần giải quyết bài toán kỹ thuật

C. Không cần quan tâm tới môi trường.

D. Không cần quan tâm tới sức khỏe cộng đồng

19. Phát biểu nào sau đây là sai đối với người kỹ sư trong thế kỷ 21?

A. Một kỹ sư chỉ cần giải quyết tốt bài toán kỹ thuật, không cần quan tâm tới các yếu tố ảnh hưởng khác

B. Kỹ sư cần có năng lực chuyên môn tốt

C. Kỹ sư cần có kỹ năng giao tiếp hiệu quả

D. Kỹ sư cần giải quyết bài toán kỹ thuật, có quan tâm tới các yếu tố khác như môi trường, sức khỏe cộng đồng.

……

20. Ý nghĩa của trích dẫn khoa học bao gồm?

A. Ý nghĩa khoa học và đạo đức, Ý nghĩa trách nhiệm và ý nghĩa pháp lý

B. Ý nghĩa trách nhiệm

C. Ý nghĩa pháp lý

D. Ý nghĩa khoa học và đạo đức

21. Lý do một số người không tôn trọng nguyên tác trích dẫn là gì?

A. Người trẻ muốn nhanh chóng nổi danh, người già muốn níu kéo ánh hào quang đã mất, tâm lý đố kỵ hoặc chưa biết cách trích dẫn khoa học

B. Do quên

C. Do chưa biết cách trích dẫn

D. Do muốn nhanh chóng nổi danh

22. Nguyên tắc trích dẫn khoa học nào sau đây là sai?

A. Hình vẽ được copy nguyên nhưng không ghi rõ nguồn gốc của hình vẽ đó ở phần chú thích của hình vẽ

B. Số thứ tự của tài liệu được trích dẫn có thể được đặt ngay sau thông tin được trích dẫn hoặc đặt trước thông tin được trích dẫn

C. Hình vẽ nếu được copy nguyên thì phải ghi rõ nguồn gốc của hình vẽ đó ở phần chú thích của hình vẽ

D. Thông tin được trích dẫn nguyên văn phải được đặt trong dấu ngoặc kép

23. Những hành động nào sau đây không được phép khi trích dẫn khoa học?

A. Sao chép một đoạn văn nhưng chỉ thay đổi một vài từ.

B. Thông tin được trích dẫn nguyên văn phải được đặt trong dấu ngoặc kép.

C. Trích dẫn một đoạn văn và trích dẫn nguồn.

D. Viết lại đoạn văn theo cách của riêng bạn, thay đổi chi tiết và thêm ý tưởng của riêng bạn.

24. Cách trích dẫn khoa học nào sau đây là sai?

A. Dân số Việt Nam [15] cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

B. Dân số Việt Nam cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người [15].

C. Theo báo cáo của uỷ ban dân số quốc gia [15], dân số Việt Nam cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

D. Dân số Việt Nam cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người theo báo cáo của ủy ban dân số quốc gia [15].

25 Cách trích dẫn khoa học nào sau đây là sai?

A. Hình 3.1[15] Biểu đồ dân số các vùng của Việt Nam.

B. Dân số Việt Nam cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người [15].

C. Theo báo cáo của uỷ ban dân số quốc gia [15], dân số Việt Nam cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

D. Hình 3.1 Biểu đồ dân số các vùng của Việt Nam [15]

26 Cách trích dẫn khoa học nào sau đây là sai?

A. Hình 3.1[15] Biểu đồ dân số các vùng của Hàn Quốc.

B. Dân số Hàn Quốc cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người [15].

C. Theo báo cáo [15], dân số Hàn Quốc cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

D. Hình 3.1 Biểu đồ dân số các vùng của Hàn Quốc [15]

27. Cách trích dẫn khoa học nào sau đây là đúng?

A. Dân số Việt Nam cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người [15].

B. Dân số Việt nam [15] cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

C. Đến năm 2010 [15] dân số Việt Nam sẽ là 90 triệu người

D. Hình 3.1[15] Biểu đồ dân số các vùng của Việt Nam.

28. Cách trích dẫn khoa học nào sau đây là đúng?

A. Dân số của Hàn Quốc cho đến năm 2010 sẽ là 100 triệu người [15].

B. Dân số của Hàn Quốc [16] cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

C. Đến năm 2010 [16] dân số của Hàn Quốc sẽ là 90 triệu người

D. Hình 3.1[16] là biểu đồ dân số các vùng của Hàn Quốc.

29. Cách trích dẫn khoa học nào sau đây là đúng?

A. Dân số của Hàn Quốc cho đến năm 2010 sẽ là 100 triệu người [15].

B. Dân số của Hàn Quốc [16] cho đến năm 2010 sẽ là 90 triệu người

C. Đến năm 2010 [16] dân số của Hàn Quốc sẽ là 90 triệu người

D. Hình 3.1[16] là biểu đồ dân số các vùng của Hàn Quốc.

30. Theo quy định của IEEE, cách liệt kê tài liệu tham khảo nào sau đây là đúng?

A. Tài liệu tham khảo được đánh số thứ tự, số thứ tự được đặt trong ngoặc vuông (ví dụ [1] ); thứ tự liệt kê là thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo hoặc đồ án...; không phải dịch ra tiếng Việt tiêu đề cũng như nguồn gốc của tài liệu tham khảo có nguồn gốc tiếng nước ngoài.

B. Tài liệu tham khảo được đánh số thứ tự, số thứ tự được đặt trong ngoặc vuông (ví dụ [1] ); Thứ tự liệt kê là thứ tự xếp theo tên tác giả (tác giả trong nước) và theo họ (tác giả nước ngoài)

C. Tài liệu tham khảo được đánh số thứ tự, số thứ tự được đặt trong ngoặc tròn (ví dụ (1) ); Thứ tự liệt kê là thứ tự xếp theo tên tác giả (tác giả trong nước) và theo họ (tác giả nước ngoài)

D. Tài liệu tham khảo được đánh số thứ tự, số thứ tự được đặt trong ngoặc vuông (ví dụ [1] ); thứ tự liệt kê là thứ tự xếp theo tên tác giả (tác giả trong nước) và theo họ (tác giả nước ngoài); phải dịch ra tiếng Việt tiêu đề cũng như nguồn gốc của tài liệu tham khảo có nguồn gốc tiếng nước ngoài.

31. Theo quy định của IEEE, cách liệt kê tài liệu tham khảo nào sau đây là đúng?

A. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Hà Nội 1998.

B. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

C. PGS. TS. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

D. PGS. TS. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội

32. Theo quy định của IEEE, cách liệt kê tài liệu tham khảo nào sau đây là đúng?

A. *Methods for Communication Science,* Boston MA: Allyn and Bacon, 1995.

B. *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

C. H. Watt and S. A. van der Berg, *Research Methods for Communication Science.* Boston MA: Allyn and Bacon, 1995.

D. PGS. TS. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Hà Nội 1998

33. Theo quy định của IEEE, cách liệt kê tài liệu tham khảo nào sau đây là đúng?

A. PGS. TS. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

B. *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

C. Ngô Diên Tập, *Lập trình bằng hợp ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

D. *Lập trình bằng hợp ngữ*, Ngô Diên Tập, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, Hà Nội 1998.

34. Theo quy định của IEEE, cách liệt kê tài liệu tham khảo nào sau đây là đúng?

A. J.M. Airey, J.H. Rohfl, F. Brooks Jr., “Towards Image Realism with Interactive Update Rates in Complex Virtual Building Environments”, *Comptuer Graphics*, Vol. 24, No. 2, pp. 41-50, 1990.

B. J.M. Airey, J.H. Rohfl, *“Towards Image Realism with Interactive Update Rates in Complex Virtual Building Environments”, Comptuer Graphics,* 1990.

C. “Towards Image Realism with Interactive Update Rates in Complex Virtual Building Environments”, *J. M. Airey, J. H. Rohfl, Comptuer Graphics*, Vol. 24, No. 2, pp. 41-50, 1990.

D. J. M. Airey, J. H. Rohfl, *“Towards Image Realism with Interactive Update Rates in Complex Virtual Building Environments”, Comptuer Graphics,* Vol. 24, No. 2, pp. 41-50.

35. Nguồn thông tin nào được liệt kê sau đây có độ tin cậy cao trong học thuật?

A. Bài báo được đăng trong tạp chí khoa học hoặc sách giáo khoa

B. Trang Facebook

C. Blog cá nhân

D. Webpage

36. Nguồn thông tin nào có giá trị thấp nhất trong nghiên cứu học thuật?

A. Trang Facebook

B. Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước

C. Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế

D. Sách giáo khoa

37. Để hỗ trợ thông tin nghiên cứu khi viết một bài báo khoa học được phép sử dụng phương pháp nào sau đây?

A. Tóm tắt, diễn giải và trích dẫn trực tiếp

B. Chỉ được phép sử dụng phương pháp tóm tắt

C. Chỉ được phép sử dụng phương pháp diễn giải

D. Chỉ được phép sử dụng phương pháp trích dẫn trực tiếp

38. Việc tích hợp nguồn trong tài liệu tham khảo của bạn không nhằm mục đích nào sau đây?

A. Để bài viết dài hơn

B. Xác định các lý thuyết, ý kiến và bằng chứng của người khác

C. Thể hiện độ tin cậy của nguồn

D. Cho độc giả biết nơi để tìm thông tin về chủ đề của bạn.

39. Việc tích hợp nguồn trong tài liệu tham khảo hỗ trợ những điều gì sau đây?

A. Để thể hiện độ tin cậy của nguồn; Xác định các lý thuyết, ý kiến và bằng chứng của người khác; cho độc giả biết nơi để tìm thông tin về chủ đề

B. Xác định các lý thuyết, ý kiến và bằng chứng của người khác

C. Thể hiện độ tin cậy của nguồn

D. Cho độc giả biết nơi để tìm thông tin về chủ đề.

40. Hành động nào sau đây không được xem là đạo văn?

A. Trích dẫn một đoạn văn và có trích dẫn nguồn rõ ràng

B. Sao chép toàn bộ đoạn văn mà không thực hiện bất kỳ thay đổi nào hoặc xác nhận nguồn

C. Sao chép một đoạn văn nhưng thay đổi một vài từ

D. Thay đổi thứ tự của câu nhưng giữ cùng một từ ngữ

41. Hành động nào sau đây được xem là đạo văn?

A. Sao chép toàn bộ đoạn văn mà không thực hiện bất kỳ thay đổi nào hoặc xác nhận nguồn

B. Trích dẫn một đoạn văn và có trích dẫn nguồn rõ ràng

C. Trích dẫn một hình ảnh và có trích dẫn nguồn rõ ràng

D. Trích dẫn một số liệu và có trích dẫn nguồn rõ ràng

42. Hành động nào sau đây không được xem là đạo văn?

A. Trích dẫn một bảng biểu và có trích dẫn nguồn rõ ràng

B. Sao chép toàn bộ đoạn văn mà không thực hiện bất kỳ thay đổi nào hoặc xác nhận nguồn

C. Sao chép một đoạn văn nhưng thay đổi một vài từ

D. Thay đổi thứ tự của câu nhưng giữ cùng một từ ngữ

……………………….

43. Sai lầm không cố ý trong suy luận được gọi là gì?

A. Sự ngộ biện

B. Sự ngụy biện

C. Sự tranh luận

D. Sự biện luận

44. Sai lầm cố ý trong suy luận được gọi là gì?

A. Sự ngụy biện

B. Sự ngộ biện

C. Sự tranh luận

D. Sự biện luận

45. Khái niệm nào sau đây là đúng về sự ngụy biện?

A. Ngụy biện là sự cố ý vi phạm các quy tắc logic trong suy luận nhằm mục đích đánh lạc hướng người nghe, người đọc, làm cho người khác nhầm tưởng cái sai là đúng và cái đúng là sai.

B. Ngụy biện là sự không cố ý vi phạm các quy tắc logic trong suy luận nhằm mục đích đánh lạc hướng người nghe, người đọc, làm cho người khác nhầm tưởng cái sai là đúng và cái đúng là sai.

C. Ngụy biện là sự cố ý vi phạm các quy tắc logic trong suy luận không nhằm mục đích đánh lạc hướng người nghe, người đọc.

D. Ngụy biện là sự cố ý vi phạm các quy tắc logic trong suy luận không nhằm mục đích đánh lạc hướng người nghe, người đọc, không làm cho người khác nhầm tưởng cái sai là đúng và cái đúng là sai.

46. Một người bị cáo buộc phạm tội ăn cắp. Ra trước tòa, anh ta kêu oan. Thay vì đưa ra các chứng cứ để chứng minh rằng mình vô tội, anh ta lại đi kể lể về tình cảnh gia đình khó khăn, nghèo đói, nhân thân tốt,… để hy vọng hội đồng xét xử thông cảm mà kết luận anh ta vô tội. Hành động của bị cáo thuộc loại ngụy biện nào sau đây:

A. Ngụy biện bằng cách đánh vào tình cảm

B. Ngụy biện dựa vào sức mạnh

C. Ngụy biện dựa vào người nổi tiếng

D. Ngụy biện dựa vào đám đông, dựa vào dư luận

47. Sau khi cố gắng giải thích mà không đạt và học sinh đó vẫn chưa chịu công nhận, giáo viên bèn nói: “Euclide đã khẳng định như vậy, em không tin Euclide hay sao?. Lời nói của giáo viên thuộc loại ngụy biện nào sau đây:

A. Ngụy biện dựa vào người nổi tiếng

B. Ngụy biện dựa vào đám đông, dựa vào dư luận

C. Ngụy biện dựa vào sức mạnh

D. Ngụy biện bằng cách đánh vào tình cảm

48. Phát biểu “*Vì rất nhiều người coi rằng ông X phạm nên đúng là ông ta phạm tội”* thuộc loại ngụy biện nào sau đây

A. Ngụy biện dựa vào đám đông, dựa vào dư luận

B. Ngụy biện dựa vào người nổi tiếng

C. Ngụy biện dựa vào sức mạnh

D. Ngụy biện bằng cách đánh vào tình cảm

49. Phát biểu “*Cái bánh là vật chất, mà vật chất thì không biến mất, vậy cái bánh không biến mất*” thuộc loại ngụy biện nào sau đây?

A. Ngụy biện đánh tráo luận đề

B. Ngụy biện dựa vào người nổi tiếng

C. Ngụy biện dựa vào sức mạnh

D. Ngụy biện bằng cách đánh vào tình cảm

50. Một người lập luận rằng khi làm những việc quan trọng trong đời như cưới xin, làm nhà, lập công ty kinh doanh, v.v. ta phải chọn ngày lành, nếu không thì sẽ không thành công, hoặc không hạnh phúc. Lấy ví dụ: “Cặp chàng trai và cô gái nọ - anh ta nêu ví dụ - yêu nhau thắm thiết, được gia đình và bạn bè ủng hộ. Họ tổ chức cưới vào một ngày lẻ theo âm lịch, một ngày không tốt. Và chỉ một năm sau họ đã chia tay nhau”. Ví dụ đó thuộc loại ngụy biện nào sau đây:

A. Ngụy biện ngẫu nhiên

B. Ngụy biện dựa vào người nổi tiếng

C. Ngụy biện dựa vào sức mạnh

D. Ngụy biện bằng cách đánh vào tình cảm

51. Cấu trúc của một luận chứng bao gồm những yếu tố nào sau đây?

A. Tuyên bố/kết luận chính; tiền đề; vấn đề

B. Tuyên bố/kết luận chính

C. Tiền đề

D. Vấn đề

52. Có thể nhận biết luận chứng từ phương pháp nào sau đây?

A. Dựa trên từ ngữ chỉ báo và từ ngữ không chỉ báo

B. Dựa trên hiểu biết của bản thân

C. Dựa trên suy đoán

D. Dựa trên kinh nghiệm

53. Yếu tố nào sau đây không xác định tuyên bố (Claim)?

A. Dựa trên suy đoán của bản thân

B. Thực tế

C. Giá trị

D. Khái niệm

54. Yếu tố nào sau đây không hỗ trợ tuyên bố?

A. Dựa trên suy đoán của người khác

B. Kết luận/tuyên bố đã được thiết lập trước đây

C. Lập luận và so sánh

D. Dữ liệu thống kê và sự kiện

55. Có bao nhiêu yếu tố xác định tuyên bố?

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

56. Các từ ngữ nào sau đây không đi kèm với kết luận?

A. Lý do thứ nhất là

B. Vì thế

C. Hậu quả là

D. Nó kéo theo

57. Các từ ngữ nào sau đây không xác định lý do?

A. Tuy nhiên

B. Bởi vì

C. Do đó

D. Theo quan điểm của

58. Từ ngữ nào sau đây không đi kèm kết luận?

A. Tuy nhiên

B. Như vậy

C. Vì thế

D. Hậu quả là

59. Từ ngữ nào sau đây không xác định lý do

A. Ngoài ra

B. Bởi vì

C. Do đó

D. Nguyên nhân chính là

60. Từ ngữ nào sau đây không xác định lý do

A. Trong bài báo này

B. Bởi vì

C. Do đó

D. Nguyên nhân chính là

61. Từ ngữ nào sau đây không xác định lý do

A. Kết quả là

B. Bởi vì

C. Do đó

D. Chính vì vậy

62. Các từ ngữ nào sau đây không đi kèm với kết luận?

A. Lý do thứ nhất là

B. Vì thế

C. Hậu quả là

D. Nó kéo theo

63. Các đặc tính của giả định là gì?

A. Không được tuyên bố rõ ràng; thường không được xác định; một số có thể hợp lý, một số khác không hợp lý hoặc gây tranh cãi

B. Được tuyên bố rõ ràng

C. Được khẳng định chắc chắn

D. Không bao giờ gây tranh cãi

64. Giả định “Bị đơn tất nhiên có tội, bạn có thấy đôi mắt xảo quyệt của cô ấy không” thuộc loại nào sau đây?

A. Không hợp lý và gây tranh cãi

B. Không dễ xác định

C. Được tuyên bố rõ ràng

D. Rất hợp lý

65. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Lý luận hợp lệ luôn luôn đúng

B. Lý luận hợp lệ có thể kết luận sai

C. Tất cả các lý luận không hợp lệ là các lý luận không vững chức

D. Lập luận hợp lệ được dựa trên các chứng cứ vững chắc

66. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Lý luận hợp lệ được dựa trên các chứng cứ vững chắc

B. Lý luận hợp lệ luôn luôn đúng

C. Trong một lý luận hợp nhất, kết luận không bao giờ sai khi các cơ sở là đúng

D. Lý luận quy nạp không phải là dạng hợp lệ

67. Phát biểu nào sau đây là sai

A. Lý luận hợp lệ không dựa trên các chứng cứ vững chắc

B. Lý luận hợp lệ có thể kết luận sai

C. Tất cả các lý luận không hợp lệ là các lý luận không vững chức

D. Lập luận hợp lệ được dựa trên các chứng cứ vững chắc

68. Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Trong một lý luận hợp nhất, kết luận không bao giờ sai khi các cơ sở là đúng

B. Trong một lý luận hợp nhât, kết luận có thể sai ngay cả khi các cơ sở là đúng

C. Một lý luận quy nạp tốt thì vững chắc

D. Lý luận quy nạp phải có dạng hợp lệ

69. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Một lý luận quy nạp tốt thì vững chắc

B. Lý luận quy nạp không phải là dạng hợp lệ

C. Trong một lý luận hợp nhất, kết luận không bao giờ sai khi các cơ sở là đúng

D. Trong một lý luận hợp nhất, kết luận không bao giờ đúng cả khi các cơ sở là đúng

70. Các bước đầy đủ trong việc đọc văn bản một cách tích cực?

A. Xem trước; Đặt câu hỏi; Trả lời câu hỏi; Xác định thông tin quan trọng; Đọc và chú thích

B. Xem trước; Đặt câu hỏi

C. Trả lời câu hỏi; Xác định thông tin quan trọng

D. Đọc và chú thích

71. Bước nào sau đây không nằm trong các bước thực hành đọc?

A. Nghe

B. Xem trước

C. Trả lời câu hỏi

D. Xác định thông tin quan trọng

72. Bước nào sau đây không nằm trong các bước thực hành đọc?

A. Viết

B. Xem trước

C. Xác định thông tin quan trọng

D. Đọc và chú thích

73. Các bước thực hành đọc bao gồm?

A. Xem trước, Đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi, Xác định thông tin quan trọng, Đọc và chú thích

B. Đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi, Xác định thông tin quan trọng, Đọc và chú thích

C. Xem trước, Trả lời câu hỏi, Xác định thông tin quan trọng, Đọc và chú thích

D. Xem trước, Đặt câu hỏi, Trả lời câu hỏi, Đọc và chú thích

74. Bước nào sau đây không nằm trong các bước thực hành đọc?

A. Viết

B. Đặt câu hỏi

C. Xác định thông tin quan trọng

D. Đọc và chú thích

75. Bước nào sau đây không nằm trong các bước thực hành đọc?

A. Nghe

B. Trả lời câu hỏi

C. Xác định thông tin quan trọng

D. Đọc và chú thích

……………..